TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/DS-ST
Ngày: 02/02/2026
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Kim Xuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Công;

2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/02/2026, tại Phòng xử án Toà án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số: 365/2025/TLST-DS ngày 10/11/2025 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-DS ngày 25/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2026 /QSĐST-DS ngày 15/01/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam).

Địa chỉ: Số I P, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ký tài liệu: Ông Trần La Ngọc H1 – Chức vụ: Trưởng phòng Tố tụng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lee Yun H: Công ty L; Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Tất T – Chức vụ Giám đốc. (Theo Giấy ủy quyền số 22/2025/GUQ-MAFC, ngày 17/4/2025).

Người được ủy quyền lại: Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 2000.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 401, tầng D, Tòa nhà số G, T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/8/2025).

2. Bị đơn: Chị Thị C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số A, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Có đơn xin vắng mặt: Chị Nguyễn Thị Lan A.

Vắng mặt không lý do: Chị Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 10/01/2025 Công ty T2 (viết tắt Công ty T2) ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số: 6219138 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho chị Thị C với khoản vay trị giá 31.233.000 đồng (giải ngân ngày 11/01/2025), mức lãi suất: 58%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T2 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho chị Thị C.

Theo Hợp đồng tín dụng, chị Thị C có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền 1.844.982 đồng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 15/02/2025 đến ngày 15/01/2028. Tuy nhiên sau khi được giải ngân, kể từ 11/02/2025 chị Thị C đã không thanh toán theo nghĩa vụ theo hợp đồng.

Công ty T2 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại để thông báo trực tiếp cho chị Thị C thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, chị Thị C vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T2.

Tính đến ngày 02/10/2025 tổng số tiền chị Thị C phải tất toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là 42.233.123 đồng, gồm: Số dư nợ gốc là 31.125.068 đồng; T1 lãi trong hạn 10.074.161 đồng; T1 lãi quá hạn 731.831 đồng; Tiền lãi chậm trả 302.063 đồng.

Do đó, Công ty T2 đề nghị Tòa án buộc chị Thị C thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T2 với tổng số tiền (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi), tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 42.233.123 đồng. Đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 03/10/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Thị C: Vắng mặt tại các phiên làm việc, hòa giải và không có văn bản ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Lan A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Chị Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7- Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn yêu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán, Thư ký, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành pháp luật đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chị Thị C vắng mặt không lý do đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty T2, buộc Thị C có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 42.233.123 đồng. Đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 03/10/2025 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán khoản, án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Công ty T2 khởi kiện yêu cầu chị Thị C có nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 6219138 ngày 10/01/2025, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (viết tắt là BLTTDS) xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật là: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn chị Thị C cư trú tại số A, ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.3] Sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị Nguyễn Thị Lan A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và chị Thị C vắng mặt không lý do. Theo Công văn số 264/CAX-CSKV ngày 08/12/25025 của Công an xã H thông tin, chị Thị C có đăng ký cư trú tại địa chỉ nguyên đơn cung cấp, nên Tòa án tiến hành niêm yết tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 228, 238 BLTTDS.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Nghĩa vụ chứng minh:

Công ty T2 khởi kiện yêu cầu chị Thị C có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay tín dụng còn nợ, có nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh và tham gia làm việc tại Tòa án để bảo vệ các yêu cầu của Công ty T2.

Đối với chị Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên làm việc, hòa giải, được thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ biết được toàn bộ nội dung vụ án nhưng không tham gia tố tụng và không có văn bản ý kiến là xem như từ bỏ quyền chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS.

Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

[2.2] Xác lập Hợp đồng tín dụng:

Theo Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 6219138 ngày 10/01/2025 là hợp đồng điện tử ký theo phương thức chữ ký số. Công ty T2 có cung cấp hồ sơ chữ ký số, gồm: Hợp đồng đối tác cung cấp và sử dụng dịch vụ chữ ký số công cộng FPT-CA số 2020.123/HĐKT/BK6, kèm theo phụ lục 01, 03, 05 (bút lục 54 – 73), phụ lục 06 (bút lục 103 – 105) và Giấy chứng nhận sử dụng chứng thư số FPT – CA tên thuê bao Thị Chuôi (bút lục 43). Như vậy, Công ty T2 đã cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh việc xác lập hợp đồng vay điện tử theo quy định của Luật giao dịch điện tử năm 2005. Về phía chị Thị C không có ý kiến phản đối.

Việc xác lập giao dịch dân sự giữa Công ty T2 và chị Thị C trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định pháp luật về hình thức hợp đồng điện tử và nội dung, thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng theo quy định tại mục 4 Bộ luật dân sự 2015 (viết tắt BLDS), Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (viết tắt Luật CTCTD). Nên được thừa nhận và bảo vệ, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự, do đó có giá trị ràng buộc trách nhiệm của các bên tham gia.

[2.3.] Thực hiện Hợp đồng:

Theo hợp đồng tín dụng, Công ty T2 cho chị Thị C vay 31.233.000 đồng, lãi suất: 58%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Ngày 11/01/2025, Công ty T2 đã giải ngân khoản vay vào tài khoản của chị Thị C, số 19006381 tại Ngân hàng TMCP Q, theo Phiếu báo nợ (bút lục số 48) đúng với tài khoản thỏa thuận tại Điều 8 Phần A hợp đồng tín dụng. Như vậy, Công ty T2 đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên cho vay.

Đối với nghĩa vụ của chị Thị C: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng chị Thị C có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc, lãi và phí trong vòng 36 tháng, mỗi tháng chị Thị C phải thanh toán cho Công ty T2 số tiền là 1.856.982 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 15/02/2025 (kỳ thanh toán đầu tiên) chị Thị C đã không thanh toán theo nghĩa vụ theo hợp đồng. Chị Thị C cũng không có ý kiến phản đối. Như vậy, chị Thị C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm Điều 3, Điều 8 Phần B hợp đồng tín dụng nên Công ty Asset dụng chấm dứt hợp đồng vay trước hạn và thu hồi nợ theo Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay.

[2.4.] Hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng vay trước thời hạn:

Theo đó, mục 8.3 Điều 8 Phần B Hợp đồng tín dụng quy định về trả nợ trễ hạn và Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay thì ngoài nợ gốc, chị Thị C còn phải chịu tiền lãi trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và tiền lãi chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật tổ chức tín dụng năm 2024, khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó,

Công ty T2 khởi kiện yêu cầu chị Thị C có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ và tiền lãi, tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 42.233.123 đồng, gồm: Nợ gốc 31.125.068 đồng, lãi trong hạn 10.074.161 đồng, lãi quá hạn 731.831 đồng, lãi chậm trả 302.063 đồng (kèm theo Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng ngày 02/10/2025) là có căn cứ nên chấp nhận.

Công ty T2 yêu cầu buộc chị Thị C thanh toán cho Công ty T2 tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 03/10/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, với mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 nên chấp nhận yêu cầu này.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Đồng Tháp đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Công ty T2 không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, được nhận lại 1.056.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Thị C phải chịu 2.111.656 đồng, làm tròn là 2.112.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (là 5% x 42.233.123 đồng phải thanh toán cho Công ty T2) theo quy định tại ăn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ các Điều 463, 465 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024

Căn cứ Thông tư 39/2016/TT-NHNN của Ngân hàng N.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (Việt Nam) đối với chị Thị C.

1.1. Buộc chị Thị C thanh toán Công ty T2 (Việt Nam) số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 02/10/2025 là 42.233.123 đồng, gồm: Nợ gốc 31.125.068 đồng; Lãi trong hạn 10.074.161 đồng; Lãi quá hạn 731.831 đồng; Lãi chậm trả 302.063 đồng.

1.2. Buộc chị Thị C tiếp tục thanh toán cho Công ty T2 (Việt Nam) tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 03/10/2025 đến khi thanh toán xong nghĩa vụ với mức lãi suất thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 6219138 ngày 10/01/2025.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty T2 (Việt Nam) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 1.056.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006817 ngày 03/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Chị Thị C phải chịu 2.112.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty T2 (Việt Nam), chị Thị C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 7- Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV7 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (kx).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Kim Xuyến